

## Sự đồng ý của các bệnh nhân khi làm thủ tục *Informovaný souhlas pacienta(tky) s výkonem*

### Chụp kiểm tra PET/CT / *PET/CT vyšetření*

**Thưa quý bà, quý ông, / *Vážená paní, Vážený pane,***

Là một cá nhân, ông bà có quyền tự do quyết định khi làm thủ tục về sự đề xuất bước tiếp theo cho việc cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe (nếu các quy định pháp lý đặc biệt loại trừ quyền này), ông (bà) được thông báo và có quyền bác khá xám phạm để đưa ra quyết định về các thủ tục chi tiết.

*jako svéprávný jedinec máte právo se svobodně rozhodnout o dalším navrhovaném postupu při poskytování zdravotní péče (pokud zvláštní právní předpisy toto právo nevylučují) a máte nezadatelné právo být před Vaším rozhodnutím o těchto postupech podrobně informován(a).*

Dựa trên tình trạng sức khỏe hiện tại của ông (bà), bác sĩ đã có chương trình chụp khám PET/CT.

*Na základě Vašeho aktuálního zdravotního stavu Vám bylo lékařem indikováno plánované vyšetření PET/CT.*

**Chụp khám PET/CT là gì: / *Co je PET/CT vyšetření:***

Đây là một cuộc kiểm tra kết hợp cả hai phương pháp: chụp cắt lớp phát xạ positron (PET), tìm kiếm các mô bị tổn thương trong cơ thể (ví dụ như khối u, viêm, ...) trên cơ sở tiếp nhận được dựa trên sự hấp thụ của hóa chất phóng xạ và chụp cắt lớp vi tính (CT), và cho phép mô này được định vị chính xác và đánh giá những thay đổi cấu trúc các tế bào trong cơ thể.

*Jedná se o vyšetření kombinující dvě metody: pozitronovou emisní tomografii (PET), při které je v těle vyhledávána poškozená tkáň (např. nádor, zánět,...) na základě vychytávání podaného radiofarmaka, a výpočetní tomografii (CT), která umožní tuto tkáň přesně lokalizovat a posoudit eventuální strukturální změny orgánů.*

**Lý do (chỉ dẫn) cho thủ tục này là gì: / *Jaký je důvod (indikace) tohoto výkonu:***

PET/CT được sử dụng trong các trường hợp ung thư để tìm kiếm mô, khối u, nhằm xác định mức độ bệnh ung thư, và để xác định hiệu quả điều trị. Ngoài ung thư, nó còn sử dụng để kiểm tra tìm kiếm những ổ viêm, xơ trong cơ thể, xác định sự hiện diện trong tim mạch một cách khả thi (khả năng sống) của cơ tim, trong thần kinh học khi khám một số bệnh của hệ thần kinh.

*PET/CT je využíváno v onkologii k vyhledávání nádorové tkáně, k určování rozsahu onkologického onemocnění, k ověření efektu léčby. Mimo onkologii je vyšetření používáno ve vyhledávání zánětlivých ložisek v těle, v kardiologii při určování přítomnosti viabilního (životaschopného) srdečního svalu, v neurologii ve vyšetřování některých chorob nervové soustavy.*

**Thay thế hiệu suất: / *Alternativa výkonu:***

Chụp cắt lớp phát xạ positron không có sự lựa chọn thay thế khác, chỉ có thể mang lại một phần thông tin bằng các phương pháp hình ảnh khác, chẳng hạn như chụp cộng hưởng từ siêu âm hoặc CT độc lập.

*Pozitronová emisní tomografie nemá jinou alternativu, jen částečnou informaci mohou přinést další zobrazovací metody, jako magnetická rezonance, ultrasonografie nebo samotné CT.*

**Chế độ của bệnh nhân trước khi làm thủ thuật là gì: / *Jaký je režim pacienta před výkonem:***

Ngay cả trước khi khám kiểm tra, sự hợp tác của ông/bà là rất quan trọng, đặc biệt trong việc chuẩn bị là vô cùng quan trọng. Ông/bà đã và sẽ được Bác sĩ thông báo về điều đó. Đề nghị ông/bà hãy tập trung chú ý đến khuyến nghị này, việc không tuân thủ chúng có thể ảnh hưởng đến kết quả kiểm tra của ông/bà, hoặc sẽ không thể thực hiện khám và kiểm tra được.

*Již před samotným vyšetřením je důležitá Vaše spolupráce při speciální přípravě. O ní jste byl(a) nebo budete informován(a) Vaším odesílajícím lékařem. Věnujte prosím pozornost těmto doporučením, jejich nedodržení může ovlivnit výsledek Vašeho vyšetření, eventuálně nebude možné vyšetření provést vůbec.*

**Thủ tục từng bước để thực hiện công việc thế nào: / *Jaký je postup při provádění výkonu:***

Sau khi đến phòng làm việc, Y bác sĩ sẽ chọc ống kim thông vào van tĩnh mạch người bệnh, tiến hành sử dụng chất được phẩm phóng xạ, chất cản quang jod/iốt và có thể là các loại thuốc khác. Lượng đường hiện tại của bệnh nhân bằng cách lấy một giọt máu từ một vết đâm thủng nhỏ vào đầu ngón tay bệnh nhân.

*Po příchodu na oddělení Vám bude do žíly zavedena kanyla, která slouží k aplikaci radiofarmaka, jodového kontrastu a případně dalších medikamentů. Zkontrolována Vám bude také aktuální hladina cukru odběrem kapky krve z drobného vpichu na prstu ruky.*

Sau khi dùng chất dược phẩm phóng xạ, nó được hấp thu trong các mô, vì vậy trước khi kiểm tra thực tế trên thiết bị, cần phải đợi khoảng một giờ. Ông/bà sẽ dành thời gian này trong một tủ đặc biệt, trong những trường hợp được chỉ định, ông/bà sẽ uống nước một loại nước tương phản để nó được phản chiếu hiển thị tốt hơn trong đường tiêu hóa tốt hơn trên CT.

*Po podání radiofarmaka dochází k jeho vychytávání ve tkáních, před samotným vyšetřením na přístroji je proto třeba vyčkat přibližně jednu hodinu. Tento čas strávíte ve speciální kabině, v určených případech budete popíjet vodu nebo kontrastní látku, která umožní lepší zobrazení zažívacího traktu na CT.*

Quá trình màng quét trên thiết bị mất từ 30 – 60 phút (thời gian kiểm tra có thể khác nhau), trong thời gian đó ông/bà sẽ nằm yên. Phạm vi quét thường được chụp từ đầu đến giữa bắp đùi, có những trường hợp được điều chỉnh khi cần sửa đổi vị trí. Trong mỗi lần kiểm tra, dữ liệu về sự sắp xếp phân bố chất dược phẩm/ hóa chất phóng xạ trong cơ thể và thu thập thông số thu được bởi CT thực hiện. Trừ khi các trường hợp khác ngăn chặn điều này, ông/bà sẽ được cho dùng chất cản quang iốt được tiêm vào tĩnh mạch và đó là một phần cần thiết trong vấn đề chụp chiếu CT. Khi áp dụng iốt tiêm truyền vào tĩnh mạch, ông/bà có thể cảm thấy trong người ấm lên và có hiện tượng khô miệng. Sau khi kiểm tra tình trạng, ít nhất 30 phút sau khi áp dụng chất cản quang iốt, ống thông của bệnh nhân sẽ được loại bỏ và ông/bà có thể rời khỏi khoa.

*Snímání na přístroji trvá 30 – 60 minut (doba vyšetření se může měnit), během kterých budete v klidu ležet. Rozsah snímání se nejčastěji volí od hlavy do poloviny stehen, může se však dle potřeby upravit. Během jednoho vyšetření jsou získávána data o rozložení radiofarmaka v těle a je provedeno CT. Pokud tomu nebrání jiné okolnosti, bude Vám v rámci CT vyšetření podána nitrožilně jodová kontrastní látka. Při aplikaci jodového kontrastu do žíly můžete pociťovat teplo nebo sucho v ústech. Po kontrole stavu, minimálně 30 minut po aplikaci jodového kontrastu, Vám bude odstraněna kanyla a budete moci odejít z oddělení.*

#### **Các biến chứng có thể xảy ra thế nào khi tiến hành thủ thuật: / Jaké jsou možné komplikace výkonu:**

Một số biến chứng có thể xảy ra sau khi dùng môi môi trường tương phản iốt là phản ứng dị ứng (tức là giống dị ứng), các biểu hiện bao gồm hắc hơi, buồn nôn, khó thở, sưng, biểu hiện sần da (nổi mề đay), đôi khi có thể xảy ra các tình trạng nghiêm trọng, đe dọa tính mạng. Sự xuất hiện của phản ứng này không thể dự đoán một cách chắc chắn. Có nguy cơ là một phản ứng, dị ứng trước đó, đặc biệt là quá mẫn cảm với chất tương phản iốt, nhưng cũng dị ứng đa trị (tức là kết hợp với nhiều chất cùng một lúc) hoặc phế quản asthma. Rất hiếm khi nổi mề đay có thể xảy ra thậm chí muộn màng, với khoảng cách từ 3 – 48 giờ. Chất tương phản iốt có thể gây suy giảm tình trạng trong các bệnh khác như tăng hoạt động tuyến giáp (thyrotoxicosis), bệnh gan, tim, có thể gây suy giảm chức năng thận.

*Možnou komplikací po podání jodové kontrastní látky je alergoidní (tj. alergii podobná) reakce, mezi jejíž projevy může patřit kýchání, nevolnost, dušnost, otoky, kožní projevy (kopřivka), ojediněle se mohou vyskytnout i závažné, život ohrožující stavy. Výskyt této reakce se nedá s jistotou předvídat. Riziková je předchozí alergická reakce, především známá přecitlivělost na jodovou kontrastní látku, ale i polyvalentní alergie (tj. kombinovaná, na více látek současně) nebo bronchiální asthma. Velice vzácně se může vyskytnout kopřivka i opožděně, s odstupem 3 - 48 hodin. Jodová kontrastní látka může způsobit zhoršení stavu i u dalších chorob jako jsou zvýšená činnost štítné žlázy (tyreotoxikóza), onemocnění jater, srdce, může dojít k poškození funkce ledvin.*

Môi trường tương phản iốt được đào thải qua thận, vì vậy cần phải biết tình trạng chức năng hiện tại của chúng để kiểm tra, vui lòng mang theo kết quả để kiểm tra nồng độ creatinine và u rê, huyết thanh, không quá mười ngày. Nếu ông/bà đang dùng thuốc trị tiểu đường, biguanides dựa trên metformin, bác sĩ nên ngừng dùng các loại thuốc này trước hai ngày.

*Jodová kontrastní látka se vylučuje ledvinami, je tak nutné znát stav jejich aktuální funkce - k vyšetření prosím přineste výsledky vyšetření sérové hladiny kreatininu a urey, ne starší deseti dnů. Pokud užíváte léky na léčbu cukrovky, biguanidy na bázi metforminu, Váš ošetřující lékař by měl tyto léky dva dny předem vysadit.*

**Vui lòng thông báo về tất cả các bệnh dị ứng và bệnh tật của bạn luôn luôn là bác sĩ và nhân viên tại Phòng khám Y học Hạt nhân.**

**Informujte prosím o všech svých alergiích a onemocněních vždy ošetřujícího lékaře i personál na Klinice nukleární medicíny.**

Việc kiểm tra được thực hiện bởi các nhân viên chuyên ngành y tế, chất tương phản iốt chất lượng cao được sử dụng, trong đó giảm thiểu nguy cơ biến chứng có thể xảy ra. Việc kiểm tra có thể được thực hiện mà không cần môi trường tương phản iốt, nhưng năng suất CT giảm đáng kể. Ở vị trí của ống thông được giới thiệu bằng gân máu (tụ máu) có thể hình thành, vị trí đó có thể gây đau đớn, biến chứng viêm có thể xảy ra. Có thể có sự rò rỉ môi trường tương phản bên ngoài làm thấm thấu vào các mô mềm xung quanh lỗ thủng.

*Vyšetření provádí erudovaný personál, používány jsou kvalitní jodové kontrasty, při nichž je riziko možných komplikací minimalizováno. Vyšetření lze provést i bez podání jodové kontrastní látky, výtěžnost CT se tím ale značně snižuje. V místě zavedené kanyly se může vytvořit krevní výron (hematom), místo může být bolestivé, objevit se může zánětlivá komplikace. Může dojít k úniku kontrastní látky mimo cévu do měkkých tkání v okolí vpichu.*

Radiopharmaceutical một mình không độc hại, không gây ra phản ứng dị ứng.

*Radiofarmakum samotné není toxické, nezpůsobuje alergické reakce.*

### Nguy cơ từ bức xạ ion hóa: / Riziko z ionizujícího záření:

Bức xạ ion hóa nói chung có thể góp phần làm tăng nguy cơ ung thư trong suốt cuộc đời trong tương lai, đặc biệt là ở trẻ em và thanh thiếu niên. Liều hiệu quả nhận được bằng bức xạ ion hóa từ được phẩm phóng xạ được áp dụng ít hơn liều bức xạ từ CT. Mục tiêu của chúng tôi là thu thập dữ liệu chất lượng cao từ cuộc kiểm tra, trong khi vẫn giữ liều bức xạ càng thấp càng tốt.

*Ionizující záření se obecně může podílet na zvýšení rizika nádorového onemocnění v průběhu dalšího života, především u dětí a mladých osob. Obdržená efektivní dávka ionizujícím zářením z aplikovaného radiofarmaka je menší, než radiační dávka z CT. Naším cílem je získat kvalitní data z vyšetření, přitom však radiační dávku udržet tak nízkou, jak jen lze dosáhnout.*

### Chống chỉ định với việc kiểm tra: / Kontraindikace vyšetření:

Việc kiểm tra chống chỉ định trong thai kỳ cho con bú nên bị gián đoạn trong một thời gian (24 giờ). Cần thông báo trước cho bác sĩ tham gia và nhân viên của nơi làm việc PET/CT về khả năng mang thai và cho con bú. Chống chỉ định cũng là không thể chịu đựng được trong thời gian dài nằm trên ghế, sợ không gian kín (sợ bị vây kín). Trong trường hợp này, việc kiểm tra có thể được thực hiện dưới hình thức gây mê toàn thân hoặc dưới sự điều tiết hỗn hợp. Điều này cũng áp dụng cho việc kiểm tra trẻ em.

*Vyšetření je kontraindikováno v těhotenství, kojení je nutno na určitou dobu (24 hodin) přerušit. O případném těhotenství a kojení je nutno v předstihu informovat ošetřujícího lékaře i personál pracoviště PET/CT. Kontraindikací je i nemožnost vydržet dobu snímání v klidu ležet na lehátku, strach z uzavřených prostor (klaustrofobie). V takovém případě lze vyšetření provést v celkové anestezii nebo v analgosedaci. Toto se týká i vyšetření dětí.*

Chống chỉ định tương đối với tiêm tĩnh mạch tương phản iốt là dị ứng đã biết với môi trường tương phản iốt và một số tình trạng bệnh khác, bao gồm rối loạn gan và thận nặng, đa u tủy, tăng chức năng tuyến giáp không được điều trị, kiểm tra và điều trị theo lịch trình bằng đồng vị iốt – trong những trường hợp này, lợi ích hiện tại của thông tin từ chụp CT cần quang luôn được cân nhắc so với nguy cơ có thể có từ chất tương phản được áp dụng. Trong trường hợp dị ứng với chất tương phản iốt, dị ứng đa trị, trong một số trường hợp hen phế quản, cần phải chuẩn bị đặc biệt.

*Relativní kontraindikací nitrožilní aplikace jodového kontrastu je známá alergie na jodovou kontrastní látku a některé další chorobné stavy, mezi které patří těžké poruchy jater a ledvin, mnohočetný myelom, neléčená zvýšená funkce štítné žlázy, plánované vyšetření a léčba izotopy jódu – v těchto případech je vždy zváženo aktuální přínos informace z kontrastního CT vyšetření nad možným rizikem z aplikované kontrastní látky. V případě známé alergie na jodovou kontrastní látku, polyvalentní alergie, v některých případech bronchiálního astmatu je nutná speciální příprava.*

### Chế độ của bệnh nhân sau khi làm thủ thuật là gì: / Jaký je režim pacienta po provedení výkonu:

Nên uống đủ chất lỏng trong 24 giờ tới để hỗ trợ bài tiết chất tương phản iốt được áp dụng và được phẩm phóng xạ ra khỏi cơ thể. Do tính phóng xạ còn sót lại của dược phẩm phóng xạ vào ngày khám, hạn chế tiếp xúc gần gũi với trẻ nhỏ và phụ nữ mang thai, tránh nhiễm bẩn nước tiểu hoặc với mắt vệ sinh hơn thế. Thông tin thêm vào câu trả lời cho câu hỏi của ông/bà sẽ sẵn lòng trả lời nhân viên y tế của nơi làm việc PET/CT.

*Vhodný je dostatečný příjem tekutin následujících 24 hodin, aby bylo podpořeno vylučování aplikované jodové kontrastní látky i radiofarmaka z těla. Vzhledem ke zbytkové radioaktivitě radiofarmaka v den vyšetření omezte těsný kontakt s malými dětmi a těhotnými ženami, zamezte kontaminaci močí důslednou hygienou. Bližší informace a odpovědi na Vaše dotazy Vám rád ochotně zodpoví personál pracoviště PET/CT.*

### Dữ liệu nhận dạng của bệnh nhân: / Identifikační údaje pacienta(tky):

|                  |  |               |  |               |  |            |  |
|------------------|--|---------------|--|---------------|--|------------|--|
| Họ:              |  | Tên:          |  | Chức danh:    |  | Số sinh:   |  |
| <i>Příjmení:</i> |  | <i>Jméno:</i> |  | <i>Titul:</i> |  | <i>ŘČ:</i> |  |

### Dữ liệu nhận dạng của người đại diện pháp luật, người giám hộ:

#### Identifikační údaje zákonného zástupce, opatrovníka:

|                  |  |               |  |               |  |            |  |
|------------------|--|---------------|--|---------------|--|------------|--|
| Họ:              |  | Tên:          |  | Chức danh:    |  | Số sinh:   |  |
| <i>Příjmení:</i> |  | <i>Jméno:</i> |  | <i>Titul:</i> |  | <i>ŘČ:</i> |  |

### Dữ liệu nhận dạng của bệnh nhân: / Plánovaný výkon:

| Kiểm tra, chụp PET/CT / PET/CT vyšetření |  |
|------------------------------------------|--|
|------------------------------------------|--|

Cuộc phỏng vấn giải thích  
được thực hiện bởi:

*Vysvětlující pohovor  
provedl:*

danh tính và chữ ký bác sĩ chỉ định  
*identifikace a podpis indikujícího lékaře*

nhận dạng và chữ ký của bác sĩ  
Phòng khám y học hạt nhân  
*identifikace a podpis lékaře  
Kliniky nukleární medicíny*

Tôi tuyên bố rằng những người trên đã được giải thích hợp lệ cho tôi lý do, lợi ích dự kiến, phương pháp thực hiện, hậu quả và rủi ro có thể xảy ra và phức tạp của việc thực hiện kế hoạch, là đối tượng của sự đồng ý được thông báo này, hơn nữa các lựa chọn thay thế có thể đã được giải thích cho tôi, bao gồm các biến chứng và hậu quả sức khỏe của chúng do không trải qua thủ tục theo kế hoạch. Tôi đã có cơ hội hỏi bác sĩ về mọi thứ tôi quan tâm liên quan đến thủ tục đã lên kế hoạch và tôi đã nhận được một lời giải thích mà tôi hiểu. Tôi đồng ý với việc thực hiện tuyên bố trên.

*Prohlašuji, že mi byl výše uvedenými osobami náležitě objasněn důvod, předpokládaný prospěch, způsob provedení, následky i možná rizika a komplikace plánovaného výkonu, který je předmětem tohoto informovaného souhlasu. Dále mi byly vysvětleny možné alternativy včetně jejich komplikací a zdravotní důsledky vyplývající z nepodstoupení plánovaného výkonu. Měl(a) jsem možnost zeptat se lékaře na všechno, co mě ve vztahu k plánovanému výkonu zajímá a obdržel(a) jsem vysvětlení, kterému jsem porozuměl(a). S provedením výše uvedeného výkonu souhlasím.*

Tôi đồng ý với ứng dụng tiềm tính mạch của môi trường tương phản iốt: ☐ CÓ / ANO ☐ KHÔNG / NE  
*Souhlasím s nitrožilní aplikací jodové kontrastní látky:*

Hơn nữa, tôi tuyên bố rằng, tôi đã thông báo trung thực cho bác sĩ tham gia về sự phát triển hiện tại của tình trạng sức khỏe, bao gồm thông tin về các bệnh truyền nhiễm, dịch vụ y tế do các nhà cung cấp khác cung cấp, việc sử dụng các sản phẩm thuốc, bao gồm cả việc sử dụng các chất gây nghiện và các sự kiện khác cần thiết cho việc cung cấp dịch vụ y tế, và tôi đã không che giấu bất kỳ trường hợp nào về tình trạng sức khỏe của mình là một trở ngại cho việc thực hiện thủ thuật hoặc có thể liên quan đến sự xuất hiện của các biến chứng.

*Dále prohlašuji, že jsem pravdivě informoval(a) ošetřujícího lékaře o dosavadním vývoji zdravotního stavu, včetně informací o infekčních nemocech, o zdravotních službách poskytovaných jinými poskytovateli, o užívání léčivých přípravků, včetně užívání návykových látek, a dalších skutečnostech podstatných pro poskytování zdravotních služeb a nezatajil(a) jsem žádné okolnosti svého zdravotního stavu, které jsou překážkou v provedení výkonu či mohou být v jakékoli souvislosti se vznikem komplikací.*

Tôi đã được giải thích rằng, trong trường hợp có các biến chứng bất ngờ đòi hỏi phải thực hiện khẩn cấp các thủ tục khác cần thiết để cứu sống tính mạng hoặc sức khỏe của tôi, các thủ tục này sẽ được thực hiện.

*Bylo mi podáno vysvětlení, že v případě výskytu neočekávaných komplikací vyžadujících neodkladné provedení dalších výkonů nutných k záchraně mého života nebo zdraví, budou tyto výkony provedeny.*

Tại Ostrava, ngày:

*V Ostravě dne:* .....

.....  
Chữ ký của người bệnh, người đại diện pháp, người giám hộ  
*podpis pacienta(ťky), zákonného zástupce, opatrovníka*